

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 24 /2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 30 -12-2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn, tranh
chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và bà Nguyễn Thùy Hương

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 186/2020/TLST- HNGĐ ,ngày 09 tháng 11 năm 2020; về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hải T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 46 đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Q. Có mặt.

Bị đơn: Chị Phan Thị Hồng D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 7B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q.

Tạm trú: Tổ 3, đường L, khu dân cư 7, huyện C, tỉnh B. Có đơn xin vắng mặt.

Đăng ký kết hôn số 03-2013 ngày 17/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên phiên tòa anh Nguyễn Hải T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q vào ngày 17 tháng 01 năm 2013; trong quá trình chung sống cả hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trái ngược nhau, bất đồng quan điểm sống, mỗi người đều có chí hướng riêng. Mặc dù trong một thời gian

dài anh T đã cố nhẫn nhịn, tha thứ và thuyết phục song vì bản chất nên khó thay đổi. Nay anh T xin ly hôn chị D.

Về con chung: Anh T và chị D có một con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 13/3/2014, hiện nay con đang ở với chị D, sau khi ly hôn anh T nhất trí giao con cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T xin đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con trưởng thành. Tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong đơn xin vắng mặt bị đơn chị Phan Thị Hồng D (có xác nhận của chính quyền địa phương) trình bày: Chị D hoàn toàn nhất trí với các nội dung trong đơn ly hôn của anh T trình bày, chị D nhất trí ly hôn anh T; hoàn toàn tự nguyện và đồng ý với các nội dung mà anh T đã trình bày trong đơn khởi kiện (thời gian và nơi đăng ký kết hôn; về tình cảm; con chung; tài sản chung và công nợ; đóng góp phí tổn nuôi con). Chị D có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị vì lý do công việc cá nhân, hiện tại chị D đi làm ăn xa tại huyện C, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa anh Nguyễn Hải T và chị Phan Thị Hồng D là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Chị D có đơn xin vắng mặt, chị D nhất trí ly hôn và đồng ý các nội dung trong đơn khởi kiện của anh T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D và vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q vào ngày 17 tháng 01 năm 2013; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị đã có thời gian ngắn chung sống hạnh phúc rồi sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nên có nhiều bất đồng, mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, mức độ ngày càng trầm trọng không thể dung hoà được, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ lâu, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh T xác định tình cảm không còn, yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn; bị đơn chị D nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 57, Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho anh Nguyễn Hải T ly hôn chị Phan Thị Hồng D là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Anh T nhất trí giao con cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ; trong đơn xin vắng mặt chị D đồng ý với ý kiến của anh T, như vậy chị D nhất trí được nuôi con và mức đóng góp phí tổn nuôi con như ý kiến và đề nghị của anh T, nên giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 13/3/2014, cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con con tròn 18 tuổi là phù hợp và có căn cứ.

[5] Tài sản chung và công nợ: Anh T và chị D thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Anh T chịu nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

[6]. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 57; Điều 58; Điều 81 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hải T ly hôn chị Phan Thị Hồng D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 13/3/2014, cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi con con tròn 18 tuổi.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con khi có một trong các căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

3. Tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hải T chịu nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh T đã nộp theo Biên lai số 0000501 ngày 09 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; như vậy, anh T phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/12/2020); bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Bình;
- VKS huyện Bố Trạch(2);
- Chi cục THA DS huyện Bố Trạch;
- Chị Phan Thị Hồng D;
- Anh Nguyễn Hải T;
- UBND xã Đ(Đề biết);
- Lưu hồ sơ, vpTòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN**

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân